

**KẾ HOẠCH**  
**NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC**  
**NĂM HỌC 2025 - 2026**

**A. NHỮNG CĂN CỨ**

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDDT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Điều lệ Trường mầm non;

Căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 51/2022/TT-BGDDT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ QĐ số 177/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND xã Thanh Yên ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông trên địa bàn xã Thanh Yên;

Căn cứ quyết định số: 170/QĐ-MNTY, ngày 05 tháng 9 năm 2025 của trường mầm non số 1 Thanh Yên về ban hành chương trình giáo dục nhà trường năm 2025-2026.

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, trường Mầm non số 1 Thanh Yên xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

**B. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**I. Thuận lợi**

Trường Mầm non số 1 Thanh Yên luôn nhận được sự quan tâm tạo điều kiện của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương, phụ huynh và nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Số lượng giáo viên: 18 đ/c trong đó: ĐH: 17 đ/c; CĐ: 1 đ/c.
- Giáo viên giỏi cấp trường: 15/18 GV, đạt 83,3%; giáo viên giỏi cấp huyện: 4/18 GV đạt 22,2%; giáo viên giỏi cấp tỉnh: 2/18 GV đạt 11,1%.
- Giáo viên có trình độ tin học là 18/18 đạt 100%.
- Giáo viên có lập trường, tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức. Luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, mến trẻ nhiệt tình đoàn kết trong công việc, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.
- Các nhóm lớp có đủ đồ dùng, trang thiết bị phục vụ học tập, sinh hoạt của trẻ.
- Trường có 9 lớp với 181 học sinh. Trong đó khối mẫu giáo: 6 lớp 115 trẻ, khối nhà trẻ 3 lớp: 66 trẻ.

**2. Khó khăn**

- Năm học 2025 - 2026 tiếp tục thực hiện chuyên đề phát triển vận động, chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, chương trình “Tôi yêu Việt Nam” với chủ đề năm học “Xây dựng môi trường xanh - an toàn - thân thiện” nhà trường còn gặp rất nhiều khó khăn như:

- Một số giáo viên còn hạn chế khi áp dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng các hoạt động học như soạn giảng giáo án điện tử, thiết kế bài giảng điện tử chưa mạnh dạn áp dụng thường xuyên.
- Một số giáo viên phương pháp giảng dạy chưa linh hoạt, chưa sáng tạo, kỹ năng giao tiếp với phụ huynh còn hạn chế.
- 65% trẻ là người dân tộc Thái nên hạn chế về ngôn ngữ.

- Trang thiết bị kinh phí đầu tư mua sắm đồ dùng, đồ chơi phục vụ các hoạt động khám phá, trải nghiệm, thăm quan,...cho trẻ còn hạn chế.
- Đại đa số phụ huynh làm nông nghiệp một số phụ huynh chưa hiểu hết tầm quan trọng của việc chăm sóc giáo dục trẻ mầm non, còn coi nhẹ việc giáo dục nề nếp cho trẻ, chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường để chăm sóc giáo dục trẻ.

### C. KẾ HOẠCH CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

#### I. Khối nhà trẻ

##### 1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

| Nhóm tuổi   | Chế độ ăn        | Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ | Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày) |
|-------------|------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12-18 tháng | Cháo + Sữa mẹ    | 930 - 1000 Kcal                         | 600 - 651 Kcal                                                                                    |
| 18-24 tháng | Cơm nát + Sữa mẹ |                                         |                                                                                                   |
| 25-36 tháng | Cơm thường       |                                         |                                                                                                   |

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.
- + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.
- + *Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*  
 Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.  
 Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần  
 Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.
- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

##### 2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 12 đến 18 tháng ngủ 2 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.
- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

##### 3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải.

##### 4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

#### II. Khối mẫu giáo

##### 1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50-55% nhu cầu cả ngày: 615-726 Kcal.*
- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

**2. Tổ chức ngủ**

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

**3. Vệ sinh**

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải.

**4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn**

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

**D. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC**

**KHỐI NHÀ TRẺ 18 - 24 THÁNG TUỔI**

| TT                                                              | Mục tiêu giáo dục                                                                               | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Điều chỉnh bổ sung |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|                                                                 | Mục tiêu                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |
| I. Lĩnh vực phát triển thể chất                                 |                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |
| 1. Phát triển vận động                                          |                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |
| a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp |                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |
| 1                                                               | - Trẻ biết bắt chước một số động tác theo cô: Giơ tay lên cao - đưa về phía trước - sang ngang. | - Hô hấp: Tập hít thở.<br>- Tay:<br>+ 2 tay giơ cao, hạ xuống<br>+ 2 tay đưa phía trước, hạ xuống<br>+ 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống<br>+ 2 tay đưa ra sau, hạ xuống<br>- Lưng, bụng, lườn:<br>+ Cúi về phía trước, đứng thẳng người lên<br>+ Nghiêng người sang 2 bên<br>- Chân:<br>+ Dạng sang 2 bên<br>+ Ngồi xuống, đứng lên |                    |
| b) Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu   |                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |
| 2                                                               | - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên                                | - Tập đi, chạy:<br>+ Đi theo hướng thẳng<br>+ Đi trong đường hẹp                                                                                                                                                                                                                                                                  |                    |

|                                                                                               |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                     |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                                               | sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8-2 m                                                                                           | + Đi bước qua vật cản.<br>+ Đi theo hiệu lệnh<br>+ Đi bước qua gậy<br>+ Đi có mang đồ chơi trên tay<br>- Tập bước lên, xuống bậc thang                                              |  |
| 3                                                                                             | - Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Biết lăn - bắt bóng với cô                                                                                 | - Ngồi lăn bóng:<br>+ Lăn bóng với cô<br>+ Lăn bóng qua cổng                                                                                                                        |  |
| 4                                                                                             | - Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.                                                                            | - Tập bò, trườn:<br>+ Bò, trườn tới đích<br>+ Bò về phía trước<br>+ Bò về phía trước có mang vật trên lưng<br>+ Bò, trườn đến vật chuẩn<br>+ Bò chui dưới dây<br>+ Bò chui qua cổng |  |
| 5                                                                                             | - Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m. | - Tập tung, ném:<br>+ Ném bóng bằng 1 tay<br>+ Tung bóng qua dây<br>+ Đá bóng lăn xa lên trước 1,5m.                                                                                |  |
| <i>c, Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt.</i> |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                     |  |
| 6                                                                                             | - Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.                                                                                                                 | - Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay.<br>- Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật.<br>- Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.                                                                    |  |
| 7                                                                                             | - Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3- 4 hộp tròn.                                                                                                                | - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông.<br>- Đóng mở nắp có ren.                                                                                                                          |  |
| 8                                                                                             | - Trẻ xếp chồng được 4-5 khối trụ                                                                                                                            | - Xếp chồng 4-5 khối.                                                                                                                                                               |  |
| <b>2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.</b>                                                    |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                     |  |
| <i>a, Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</i>                                            |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                     |  |
| 9                                                                                             | - Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.                                                                           | - Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.                                                                                                                     |  |
| 10                                                                                            | - Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.                                                                                                                                  | - Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.                                                                                                                                                       |  |
| 11                                                                                            | - Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh                                                                                                         | - Tập một số thói quen vệ sinh tốt:<br>+ Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.<br>+ “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.                                                                |  |
| <i>b, Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</i>                               |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                     |  |

|                                                           |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                      |  |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 12                                                        | - Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước). | - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc.<br>- Tập ngồi vào bàn ăn.<br>- Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.<br>- Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh.<br>- Làm quen với rửa tay, lau mặt.          |  |
| <i>c, Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</i> |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 13                                                        | - Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.                | - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.                                                                                                                      |  |
| 14                                                        | - Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.              | - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.                                                                                                                                                               |  |
| <b>II. Lĩnh vực phát triển nhận thức</b>                  |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                      |  |
| <b>1. Luyện tập và phối hợp các giác quan</b>             |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 15                                                        | .- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.                                        | - Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu.<br>- Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh<br>- Nếm vị 1 số loại quả, thức ăn<br>- Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh<br>- Ngửi mùi của 1 số hoa, quả quen thuộc, gần gũi. |  |
| <b>2. Nhận biết</b>                                       |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 16                                                        | - Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân                                                          | - Hình ảnh của bản thân trong gương.                                                                                                                                                                                 |  |
| 17                                                        | - Trẻ biết chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.                                          | - Tên của bản thân<br>- Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.                                                                                                                                  |  |
| 18                                                        | - Trẻ biết chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận trên cơ thể của người khi được hỏi.                                   | - Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.                                                                                                                                                    |  |
| 19                                                        | - Trẻ biết chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.              | - Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.<br>- Đồ chơi, đồ dùng của bản thân.<br>- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, hoa, quả quen thuộc.<br>- Tên của phương tiện giao thông              |  |

|                                                                                 |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                             |  |
|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                                 |                                                                                                                                                    | <p>gần gũi.</p> <p>- Mùa hè, 1 số trang phục mùa hè</p>                                                                                                                     |  |
| 20                                                                              | <p>- Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.</p>                                             | <p>- Màu đỏ, xanh</p> <p>- Kích thước to - nhỏ.</p>                                                                                                                         |  |
| <b>III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b>                                        |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                             |  |
| <b>1. Nghe hiểu lời nói</b>                                                     |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                             |  |
| 21                                                                              | <p>- Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay....</p>                                                                       | <p>- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.</p> <p>- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.</p>                                               |  |
| 22                                                                              | <p>- Trẻ hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “không được lấy!”; “không được sờ!”...</p>                                                  | <p>- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.</p>                                                                                                                     |  |
| 23                                                                              | <p>- Trẻ biết trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”; “con gì đây?”; “cái gì đây?”...</p>                                                        | <p>- Nghe các câu hỏi: “Ở đâu?”; “Con gì?”; “... thế nào?” (“Gà gáy thế nào?”); “Cái gì?”; “Làm gì?”.</p> <p>- Trả lời và đặt câu hỏi: “con gì?”; “Cái gì?”; “Làm gì?”.</p> |  |
| <b>2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng, các câu.</b>                            |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                             |  |
| 24                                                                              | <p>* Trẻ biết được nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu;</p> <p>- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...</p> | <p>- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.</p> <p>- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.</p>                                           |  |
| 25                                                                              | <p>- Trẻ đọc tiếp được tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.</p>                                                                 | <p>- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.</p> <p>- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.</p>                            |  |
| <b>3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp</b>                                         |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                             |  |
| 26                                                                              | <p>- Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm...</p>                                                                        | <p>- Phát âm các âm khác nhau.</p>                                                                                                                                          |  |
| 27                                                                              | <p>- Trẻ biết chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...)</p>                                                      | <p>- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.</p>                                                                                                            |  |
| <b>I. Lĩnh vực Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</b>                |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                             |  |
| <b>1. Trẻ biết biểu lộ sự nhận thức về bản thân</b>                             |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                             |  |
| 28                                                                              | <p>- Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).</p>                                         | <p>- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.</p>                                                                                                                              |  |
| <b>2. Trẻ nhận biết được và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi</b> |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                             |  |

|                                                              |                                                                                                  |                                                                                                         |  |
|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 29                                                           | - Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.              | - Giao tiếp với cô và bạn.                                                                              |  |
| 30                                                           | - Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.               | - Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.                                                 |  |
| 31                                                           | - Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.                   | - Quan tâm đến các vật nuôi, đồ vật, đồ dùng đồ chơi...hàng ngày                                        |  |
| <b>3. Trẻ thực hiện được một số hành vi xã hội đơn giản:</b> |                                                                                                  |                                                                                                         |  |
| 32                                                           | - Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.                                                      | - Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.                |  |
| 33                                                           | - Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...). | - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.                                                                         |  |
| 34                                                           | - Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.                                       | - Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn.                                                             |  |
| <b>4. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ</b>                         |                                                                                                  |                                                                                                         |  |
| 35                                                           | - Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...).                       | - Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ.<br>- Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc. |  |
| 36                                                           | - Trẻ thích vẽ, thích xem tranh.                                                                 | - Tập cầm bút vẽ.<br>- Xem tranh.                                                                       |  |

KHỐI NHÀ TRẺ 24 - 36 THÁNG TUỔI

| Mục tiêu giáo dục                                               |                                                                                           | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Điều chỉnh |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| TT                                                              | Mục tiêu                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |            |
| I. Lĩnh vực phát triển thể chất                                 |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |            |
| 1. Phát triển vận động                                          |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |            |
| a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |            |
| 1                                                               | - Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân | - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra: thổi bóng, gà trống gáy, thổi nơ, còi tàu...<br>- Tay:<br>+ Hai tay giơ cao (lắc bàn tay), hạ xuống<br>+ Đưa 2 tay ra phía trước kết hợp lắc bàn tay,<br>+ Đưa tay sang ngang (lắc bàn tay), hạ xuống<br>+ Đưa 2 tay ra sau kết hợp với lắc bàn tay<br>+ Đưa 2 tay lên cao, sang ngang kết hợp với lắc bàn tay |            |

|   |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>+ 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau</li><li>- Lưng, bụng, lườn:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Cúi về phía trước</li><li>+ Nghiêng người sang phải, trái</li><li>+ Vặn người sang 2 bên</li><li>+ Cúi người xuống, đứng thẳng người lên</li><li>+ Ngửa người ra phía sau</li><li>+ Gả mỏ thóc</li></ul></li><li>- Chân:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Ngồi xuống, đứng lên</li><li>+ Bật tại chỗ</li><li>+ Đứng nhún chân</li><li>+ Co duỗi từng chân</li></ul></li></ul>    |  |
| 2 | <p><i>b) Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</i></p> <p>- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay</p> | <ul style="list-style-type: none"><li>* <b>Đi, chạy</b><ul style="list-style-type: none"><li>- Đi theo hiệu lệnh</li><li>- Đi trong đường hẹp</li><li>- Đi có mang đồ chơi trên tay</li><li>- Chạy theo hướng thẳng</li><li>- Chạy đổi hướng</li><li>- Đứng co 1 chân</li><li>- <i>Đi bước vào các ô</i></li><li>- <i>Đi kết hợp với chạy</i></li><li>- <i>Đi bước qua gậy kê cao</i></li><li>- <i>Đi theo đường ngoằn ngoèo</i></li><li>- <i>Bước lên xuống bậc cao 15cm</i></li><li>- <i>Bước lên xuống bậc có tay vịn</i></li></ul></li></ul> |  |
| 3 | <p>- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay-mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 - 1,2m.</p>                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"><li>* <b>Tung, bắt</b><ul style="list-style-type: none"><li>- Tung bắt “bóng” cùng cô</li><li>- <i>Tung bóng bằng hai tay</i></li><li>- <i>Tung bóng qua dây</i></li></ul></li><li>* <b>Ném</b><ul style="list-style-type: none"><li>- Ném bóng về phía trước</li><li>- Ném bóng vào đích</li></ul></li></ul>                                                                                                                                                                                                  |  |
| 4 | <p>- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.</p>                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>* <b>Bò, trườn</b><ul style="list-style-type: none"><li>- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng</li><li>- Bò chui qua cổng</li><li>- Bò qua vật cản</li><li>- Trườn qua vật cản</li><li>- <i>Bò thẳng hướng theo đường hẹp</i></li><li>- <i>Trườn chui qua cổng</i></li><li>- <i>Bò theo đường ngoằn ngoèo</i></li></ul></li></ul>                                                                                                                                                                            |  |
| 5 | <p>- Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)</p>                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>* <b>Ném</b><ul style="list-style-type: none"><li>- Ném xa 1 tay</li></ul></li><li>* <b>Nhún bật</b><ul style="list-style-type: none"><li>- Bật tại chỗ</li><li>- Bật qua vạch kẻ</li><li>- Bật xa bằng 2 chân</li></ul></li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |

|                                                                                     |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                     |    | - Nhún bật về phía trước                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| c, Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt | 6  | Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo":                                                                                                                                                                                                             | - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, múa khéo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                                                                                     | 7  | Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ:                                                                                                                                     | - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây (khâu vòng tay; khâu chuỗi đeo cổ, cài cời cúc áo, áo cóm, kéo khóa)<br>- Rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé<br>- Tập cầm bút tô, vẽ (vẽ tổ chim)<br>- Nhào đất nặn;<br>- Nhón nhặt đồ vật.<br>- Đóng cọc bàn gỗ<br>- Chắp ghép hình<br>- Chồng, xếp 6-8<br>- Lật mở trang sách                                                                       |
| <b>2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.</b>                                          |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <i>a, Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</i>                                  |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                                                                                     | 8  | - Trẻ thích nghi với chế độ với chế độ ăn cơm, các loại thức ăn khác nhau.                                                                                                                                                                                                      | - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau của địa phương: cá, thịt lợn, thịt bò, rau, canh..<br>(Quyền được sống còn)                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                                                                                     | 9  | - Trẻ ngủ 1 giấc ngủ trưa                                                                                                                                                                                                                                                       | - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa 140 - 150 phút.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                                                                     | 10 | - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định                                                                                                                                                                                                                                         | - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ngủ<br>- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.<br>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <i>b, Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</i>                     |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|                                                                                     | 11 | - Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)<br>- Tập tự phục vụ:<br>+ Xúc cơm, uống nước.<br>+ Đi vệ sinh<br>+ Chuẩn bị chỗ ngủ: lấy gối.<br>- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn; | - Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe:<br>+ Trải nghiệm giáo dục tuần lễ dinh dưỡng<br>- Tập tự phục vụ:<br>+ Xúc cơm, uống nước.<br>+ Đi vệ sinh<br>+ Đánh răng<br>+ Chuẩn bị chỗ ngủ: lấy gối.<br>- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn;<br>+ Lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn<br>- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. |

|                                               |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>+ Lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn</li><li>- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.</li></ul> Trẻ biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh: | <ul style="list-style-type: none"><li>- Mặc quần áo ấm khi trời lạnh; đội nón mũ khi đi trời nắng.....</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 13                                            | <i>c, Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</i><br><ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.</li></ul>                   | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: dao, kéo, vật sắc nhọn, bình nước nóng,...</li><li>- Nhận biết những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần ở trường lớp mầm non: (Bể nước, nhà kho, nơi mất vệ sinh, ổ điện, các vật sắc nhọn....)</li><li>- <i>Nhận biết một số dấu hiệu biến đổi khí hậu : Nóng, lạnh, nắng, mưa, gió, bão.</i></li></ul>      |
| 14                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ..) khi được nhắc nhở.</li></ul>                                                                    | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (<i>leo trèo lên lan can, đu bám giá đồ chơi, xô đẩy bạn, đóng mở cửa, kéo, với các vật trên cao...</i>)</li></ul>                                                                                                                                                                                            |
| <b>II. Lĩnh vực phát triển nhận thức</b>      |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>1. Luyện tập và phối hợp các giác quan</b> |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 15                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.</li></ul>                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.</li><li>- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.</li><li>- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.</li><li>- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn nhẵn - xù xì.</li><li>- Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt, mặn, chua).</li></ul> |
| <b>2. Nhận biết</b>                           |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 16                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc</li></ul>                                                                    | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</li><li>- Đồ chơi, đồ của bản thân bạn trai: bóng, ô tô...bạn gái; búp bê, nấu ăn..</li><li>- Đồ chơi, đồ dùng của nhóm lớp mẫu giáo</li></ul>                                                                                                                                      |
| 17                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ nói được tên của bản thân và</li></ul>                                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân, bạn trai, bạn gái.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

|                                          |                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 18                                       | <p>những người gần gũi khi được hỏi</p> <p>- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.</p> | <p>- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.</p> <p>- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.</p> <p>- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân (trải nghiệm sự kì diệu của 1 số giác quan)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 19                                       | <p>- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.</p>                     | <p>- Tên, đặc điểm nổi bật của một số đồ chơi ở trường, lớp</p> <p>- Tên và đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi mà bé yêu thích</p> <p>- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc.</p> <p>- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại rau quen thuộc</p> <p>- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của 1 số loại hoa quen thuộc</p> <p>- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của 1 số loại quả quen thuộc</p> <p>- Tên đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi: xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay, khinh khí cầu</p> <p>- <i>Tên, đặc điểm nổi bật của 1 số đồ dùng trong gia đình; ở lớp mẫu giáo.</i></p> <p>- <i>Tên, đặc điểm nổi bật về 1 số đồ chơi trung thu (trải nghiệm bé vui tết trung thu)</i></p> <p>- <i>Tên, đặc điểm nổi bật về 1 số đồ chơi dân gian , một số hoạt động trong ngày tết cổ truyền (Trải nghiệm tết nguyên đán)</i></p> <p>- <i>Tên, đặc điểm nổi bật về 1 số loại bánh trong ngày tết cổ truyền.</i></p> <p>- <i>Tên một số món ăn trong ngày tết cổ truyền</i></p> <p>- <i>Trang phục của mùa hè</i></p> |  |
| 20                                       | <p>- Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu</p>                                 | <p>- Nhận biết màu đỏ, xanh, vàng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
| 21                                       | <p>- Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu</p>                                      | <p>+ Kích thước to - nhỏ.</p> <p>- Hình tròn, hình vuông</p> <p>- Vị trí trong không gian ( trên- dưới - trước - sau) so với bản thân trẻ</p> <p>- Số lượng( một - nhiều), đếm vệt</p> <p>- Trải nghiệm về biểu tượng số đếm, kích thước, màu sắc, hình dạng)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| <b>III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b> |                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |

|                                                      |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <b>1. Nghe hiểu lời nói</b>                          |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
| 22                                                   | - Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”                                                     | - Nghe lời nói có tình cảm sắc thái khác nhau.<br>- Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói<br>- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc                                                                                                                                                                                  |  |
| 23                                                   | - Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?” (Ví dụ: “Con gà gáy thế nào?”...)                                       | - Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
| 24                                                   | - Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.                                     | - Lắng nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn<br>- Chú ý nghe khi người lớn đọc sách<br>- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự gợi ý từ cô giáo<br>- Lật mở sách, xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh                                                         |  |
| <b>2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng, các câu.</b> |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
| 25                                                   | - Trẻ phát âm rõ tiếng.<br>- Trẻ biết sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng Tiếng Việt trong giao tiếp hàng ngày                                               | - Trẻ phát âm rõ các tiếng .<br>- Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ dân tộc<br>- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3<br>- 4 tiếng                                                                                                                                                                                                             |  |
| 26                                                   | - Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
| <b>3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp</b>              |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
| 27                                                   | - Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.                                             | - Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 28                                                   | - Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:<br>+ Chào hỏi, trò chuyện.<br>+ Bày tỏ nhu cầu của bản thân.<br>+ Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con | - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau<br>- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “cái gì đây?”....<br>+ Chào hỏi, trò chuyện với cô, với bạn, với người thân.<br>+ Hồn nhiên bày tỏ nhu cầu của bản thân ( <i>Quyền được tham gia</i> ) |  |

|                                                             |                                                                                                                             |                                                                                                                                                                         |  |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 29                                                          | gì đây?"; “cái gì đây?”....<br>- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép                                                               | - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn                                                                                                       |  |
| IV. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ |                                                                                                                             |                                                                                                                                                                         |  |
| 1. Phát triển tình cảm                                      |                                                                                                                             |                                                                                                                                                                         |  |
| 30                                                          | - Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)                                                                        | - Tên, tuổi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân (bạn trai: tóc ngắn, mặc quần áo; bạn gái: tóc dài buộc nơ, mặc váy).                                               |  |
| 31                                                          | Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích                                                                            | - Sở thích của bản thân (đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình) và điều mình không thích                                                                                  |  |
| 32                                                          | - Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi                                                                   | - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận                                                                                          |  |
| 33                                                          | - Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ                                                              |                                                                                                                                                                         |  |
| 2. Phát triển kỹ năng xã hội                                |                                                                                                                             |                                                                                                                                                                         |  |
| 34                                                          | - Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói                                                   | - Giao tiếp với những người xung quanh, gia đình..                                                                                                                      |  |
| 35                                                          | - Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi; bắt chước tiếng kêu, gọi                           | - Quan tâm đến các vật nuôi gần gũi, gọi tên, bắt chước tiếng kêu: Con mèo, còn gà, con chó...                                                                          |  |
| 36                                                          | - Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ                                                                                | - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”.                                                                           |  |
| 37                                                          | - Trẻ thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...) | - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Thể hiện một số hành vi qua việc chơi thao tác vai ( bế em, cho em ăn, nấu cho em ăn, nghe điện thoại...<br>(Quyền được tham gia )      |  |
| 38                                                          | - Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác                                                                                         | - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cào cấu bạn                                                                          |  |
| 39                                                          | - Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn                                                                                | - Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô giáo như: ngồi vào ghế, đi vệ sinh, đi dép...<br>- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến |  |

|                                      |                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                      |                                                                                                  | lượt, để đồ chơi vào nơi quy định, ăn xong cất bát vào rổ, vứt rác vào thùng rác...<br>(Quyền được bảo vệ)                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| <b>3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ</b> |                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
| 40                                   | - Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc                    | - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau<br>- Nghe, nhận biết âm thanh của các nhạc cụ: xắc xô, phách tre, mõ, trống, đàn organ...<br>- Nghe âm thanh trong thiên nhiên: tiếng nước chảy " róc rách", tiếng mưa rơi "tí tách"...<br>- Nghe làn điệu dân ca của địa phương (dân ca Thái, dân ca Xá...) những bài hát ru...<br>- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. |  |
| 41                                   | - Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc), xâu vòng | -Vẽ các đường nét khác nhau, cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc (vẽ tổ chim, vẽ cuộn len)<br>- Nặn: xoay tròn, lăn dọc<br>- Xé giấy vụn, vò giấy<br>- Xếp hình từ các khối gỗ, các vật liệu trong thiên nhiên.<br>- Xem tranh, ảnh<br>(Quyền được phát triển )                                                                                                                     |  |

**KHOÍ MẪU GIÁO BÉ 3 - 4 TUỔI**

| Stt                                                             | Mục tiêu                                                          | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Điều chỉnh, bổ sung |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>I. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>                          |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                     |
| <b>1. Phát triển vận động.</b>                                  |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                     |
| <i>a) Thực hiện được các động tác PT các nhóm cơ và hô hấp.</i> |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                     |
| 1                                                               | - Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn. | - Hô hấp: Hít vào thở ra<br>- Tay:<br>+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.<br>+ Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.<br>+ Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao<br>+ Hai tay đưa sang ngang, lên cao<br>+ Hai cánh tay chéo nhau về phía trước và ra sau<br>+ Từng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang<br>- Lưng, bụng, lườn:<br>+ Cúi về phía trước. |                     |

| Stt                                                                      | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                      | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Điều chỉnh, bổ sung |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quay sang trái, sang phải.</li> <li>+ Nghiêng người sang trái, sang phải.</li> <li>+ Đứng cúi về trước, ngả người ra sau</li> <li>+ Đứng nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay đưa cao hoặc đặt sau gáy</li> <li>- Chân: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ.</li> <li>+ Co duỗi chân</li> <li>+ Đứng khuyu gối</li> <li>+ Bật tách, chụm chân tại chỗ</li> <li>+ Từng chân đưa lên trước, ra sau, sang ngang</li> <li>+ Đứng nâng cao chân, gập gối</li> <li>+ Bật lên trước, lùi lại, sang bên</li> </ul> </li> </ul> |                     |
| <i>b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</i> |                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| 2                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</li> <li>+ Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m)</li> <li>+ Đi kiễng gót liên tục 3m.</li> </ul>                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đi trong đường hẹp.</li> <li>+ Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát</li> <li>+ Đi kiễng gót.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                     |
| 3                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ kiểm soát được vận động khi:</li> <li>+ Đi/ chạy thay đổi hướng tốc độ theo đúng hiệu lệnh.</li> <li>+ Chạy liên tục trong đường đích dắc ( 3- 4 điểm đích dắc không chệch ra ngoài).</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.</li> <li>+ Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                     |
| 4                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động:</li> <li>+ Tung bắt bóng với cô bắt được 3 lần liên không rơi bóng.</li> <li>+ Tự đập - bắt bóng được 2 lần liên (đường kính bóng 18cm).</li> </ul>      | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.</li> <li>+ Lăn, đập, tung bắt bóng với cô.</li> <li>+ Tung bóng cho cô</li> <li>+ Tự đập - bắt bóng.</li> <li>+ Tung bóng lên cao bằng 2 tay</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                     |
| 5                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo</li> </ul>                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chạy được liên tục 15m theo hướng thẳng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                     |

| Stt                                                                                      | Mục tiêu                                                                                                                                                                                            | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Điều chỉnh, bổ sung |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                                          | trong thực hiện bài tập tổng hợp:<br>+ Chạy được liên tục 15m theo hướng thẳng.<br>+ Ném trúng đích ngang (xa 1,5m).<br>+ Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.                      | + Ném xa bằng 1 tay.<br>+ Ném xa bằng hai tay<br>+ Ném trúng đích ngang( xa 1,5m).<br>+ Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m)<br>+ Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dốc.<br>+ Bò chui qua cổng.<br>+ Trườn chui qua cổng<br>+ Trườn về phía trước.<br>+BAT tại chỗ.<br>+BAT về phía trước.<br>+BAT xa 20 - 25 cm.<br>+ Bước lên xuống bậc cao (cao 30 cm)                                                                            |                     |
| <i>c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt</i> |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| 6                                                                                        | - Trẻ có thể thực hiện được các vận động:<br>+ Xoay tròn cổ tay.<br>+ Gập, đan ngón tay vào nhau.                                                                                                   | + Gập, đan các ngón tay vào nhau.<br>Quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.<br>+ Đan, tết.<br>+ Xé, dán giấy.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                     |
| 7                                                                                        | - Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, trong một số hoạt động:<br>+ Vẽ được hình tròn theo mẫu.<br>+ Cắt thẳng được một đoạn 10cm.<br>+ Xếp chồng 8-10 khối không đổ.<br>+ Tự cài, cởi cúc. | + Xếp chồng các hình khối khác nhau.<br>+ Sử dụng kéo, bút<br>+ Tô vẽ nguệch ngoạc.<br>+ Cài, cởi cúc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                     |
| <b>2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</b>                                                |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| <i>a. Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</i> |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| 8                                                                                        | - Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh: (Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)                                                                                | - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc tại trường mầm non và tại địa phương. (Thông qua các món ăn hàng ngày tại trường mầm non).<br>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. (Thông qua các món ăn và bữa ăn hàng ngày tại trường mầm non).<br>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng...).<br>- Thực hiện tuần lễ dinh dưỡng. |                     |
|                                                                                          | - Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày như: Trứng rán, cá kho, canh rau....<br>- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |

| Stt                                                                              | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Điều chỉnh, bổ sung |
|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                                  | ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                     |
| <i>b. Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                     |
| 9                                                                                | <p>Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rửa tay, lau mặt, xúc miệng.</li> <li>- Tháo tất, cởi quần áo....</li> <li>- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách</li> </ul>                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen cách đánh răng, lau mặt.</li> <li>- Tập rửa tay bằng xà phòng</li> <li>- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.</li> <li>- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách</li> </ul>                                                                                                                                                                      |                     |
| <i>c. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                     |
| 10                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi....</li> <li>-Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</li> <li>+ Chấp nhận: vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>+ Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe</li> <li>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</li> <li>- Nhận biết trang phục theo thời tiết. (trang phục dân tộc Thái, Tày...)</li> <li>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.</li> </ul>                                                               |                     |
| <i>d, trẻ biết 1 số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</i>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                     |
| 11                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.</li> <li>- Trẻ nhận biết được được một số nguồn lửa, vật dụng dễ gây cháy nổ.</li> <li>- Trẻ nhận biết các tín hiệu, phương tiện chữa cháy và có hành</li> </ul>                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</li> <li>- Nhận biết được một số nguồn lửa (bếp ga, bếp củi) và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ (bếp ga, ổ điện...)</li> <li>- Nhận biết các tín hiệu (còi báo động), phương tiện chữa cháy (bình chữa cháy, thùng đựng nước...) và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</li> </ul> |                     |

| Stt | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Điều chỉnh, bổ sung |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|     | động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                     |
|     | Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, ruộng nước, bể chứa nước, hố vôi...) khi được nhắc nhở.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn (không tự ý ra ao, suối, giếng chơi...).</li> <li>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (Không đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ khi chưa được người lớn cho phép).</li> <li>- Biết cách phòng tránh một số nguồn lửa (bếp ga, bếp củi) và một số sự cố có thể gây cháy, nổ.</li> </ul> |                     |
|     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:</li> <li>+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</li> <li>+ Không tự lấy thuốc uống, không ăn lá, quả lạ.....</li> <li>+ Không leo trèo lên bàn ghế, lan can.</li> <li>+ Không nghịch các vật sắc nhọn.</li> <li>+ Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.</li> <li>+ Trẻ biết cách phòng tránh một số nguồn lửa và một số sự cố có thể gây cháy, nổ.</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                     |
| 12  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                     |

| Stt | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                         | Điều chỉnh, bổ sung |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết được các dạng thiên tai thường xảy ra nơi trẻ sinh sống.</li><li>- Biết được mình phải nghe người lớn và làm theo những gì người lớn hướng dẫn.</li><li>- Biết 1 số việc cần phải làm để tự đảm bảo sự an toàn cho bản thân như: né tránh nguy hiểm, thoát hiểm, biết chỗ trú ẩn nơi an toàn, biết cách cầu cứu, làm theo sự chỉ dẫn của người lớn, nhớ tên bố mẹ, số điện thoại cần thiết.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Kỹ năng ứng phó phù hợp với trước, trong và sau thiên tai có ở địa phương (<i>Giông sét; mưa đá, động đất, gió lốc</i>)</li></ul> |                     |

**II. Phát triển nhận thức**

**1. Khám phá khoa học**

*a, Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng*

|    |                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 13 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chú ý quan sát sự vật hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.</li></ul>                       | <ul style="list-style-type: none"><li>- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc với trẻ.</li><li>- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.</li><li>- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi</li><li>- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày gần gũi với trẻ như nước ao, hồ, ruộng, suối..</li><li>- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày gần gũi với trẻ ( bóng điện, ánh mặt trời).</li><li>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi với trẻ.</li><li>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</li><li>- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.</li></ul> |  |
|    | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi sờ, nếm...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.</li></ul>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
|    | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ được làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng. VD:Thả các con vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</li></ul> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |

| Stt                                                                                                | Mục tiêu                                                                                                                                      | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                | Điều chỉnh, bổ sung |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                                                    | - Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như: Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
| 14                                                                                                 | - Trẻ phân loại được các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.                                                                                   | - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 dấu hiệu nổi bật                                                                                                                                                                                                                             |                     |
| <i>b, Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.</i> |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
| 15                                                                                                 | - Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.                                                    | - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.<br>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.<br>- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ ( <i>mưa đá, động đất, gió lốc, hạn hán...</i> ). |                     |
| <i>c, Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</i>                              |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
| 16                                                                                                 | - Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.                                                | - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.                                                                                                                                                                                                         |                     |
| 17                                                                                                 | - Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...                                                    | - Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...                                                                                                                                                                                                |                     |
| 18                                                                                                 | - Trẻ làm quen với máy tính, chơi được 1 số trò chơi trong phần mềm Kidsmart                                                                  | - Khám phá 1 số trò chơi trong phần mềm Kidsmart.                                                                                                                                                                                                                                |                     |
| <b>2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>                                            |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
| <i>a, Trẻ nhận biết số đếm, số lượng</i>                                                           |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
| 19                                                                                                 | - Bước đầu trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.                     | - Đếm trên đối tượng và đếm theo khả năng.                                                                                                                                                                                                                                       |                     |
| 20                                                                                                 | - Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.                                                                                    | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5<br>- 1 và nhiều                                                                                                                                                                                                                             |                     |

| Stt                                                                      | Mục tiêu                                                                                                                                          | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                      | Điều chỉnh, bổ sung |
|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                          | - Trẻ biết cách so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.<br>- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn                                                                                   |                     |
| 21                                                                       | - Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.                                                                         |                                                                                                                                                                        |                     |
|                                                                          | - Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.                                                                                |                                                                                                                                                                        |                     |
| <i>b, Trẻ biết sắp xếp theo quy tắc</i>                                  |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                        |                     |
| 22                                                                       | - Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.                                                                                | - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.<br>- Xếp xen kẽ.                                                                                                                        |                     |
| <i>c, Trẻ biết so sánh hai đối tượng</i>                                 |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                        |                     |
| 23                                                                       | - Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn, bằng nhau                 | - So sánh 2 đối tượng về kích thước.                                                                                                                                   |                     |
| 24                                                                       | - Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật                                                                         | - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.<br>- Sử dụng các hình hình học để lắp ghép. |                     |
| <i>e, Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.</i> |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                        |                     |
| 25                                                                       | - Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.                                             | - Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.                                                                            |                     |
| <b>3. Khám phá xã hội</b>                                                |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                        |                     |
| <i>a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</i>  |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                        |                     |
| 26                                                                       | - Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.                                                                        | - Tên, tuổi, giới tính của bản thân.                                                                                                                                   |                     |

| Stt                                                                        | Mục tiêu                                                                                                                                                     | Nội dung giáo dục                                                                                                                   | Điều chỉnh, bổ sung |
|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                            | - Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.                                                                                               | - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình ( <i>cách gọi theo tiếng dân tộc Thái</i> )                                          |                     |
|                                                                            | - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình (thôn, đội) khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.                                                               | - Địa chỉ gia đình.                                                                                                                 |                     |
|                                                                            | - Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.                                                             | - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo.<br>- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.       |                     |
| <i>b, Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i> |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                     |                     |
| 27                                                                         | - Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.                                                              | - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến của Điện Biên. (Đặc sản của địa phương: Gạo tám thơm, séng cù, nếp cẩm ...) |                     |
| <i>c, Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh</i>                   |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                     |                     |
| 28                                                                         | - Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Tết Trung thu; Tết Nguyên Đán; ngày 20/10, ngày 22/12, Ngày 8/3; ngày 20/11; Lễ hội hoa Ban; ... qua trò chuyện, tranh ảnh. | - Một số lễ hội: Tết trung thu, ngày hội của cô giáo 20/11... ngày lễ hội của Điện Biên (lễ hội hoa ban, ngày 7/5...)               |                     |
|                                                                            | - Trẻ biết kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở Điện Biên: Đồi A1, Hàm Đờ cát, ...                                                                           | - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh.                                                                        |                     |
| <b>III. Phát triển ngôn ngữ</b>                                            |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                     |                     |
| <b>1. Nghe hiểu lời nói</b>                                                |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                     |                     |
| 29                                                                         | - Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, VD: “Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ”                                                                                | - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản                                                                                                 |                     |
|                                                                            | - Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...                                                                                         | - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc                                         |                     |
|                                                                            | - Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu                                                                                                                     | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.                                                                                      |                     |

| Stt                                                 | Mục tiêu                                                                                             | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                            | Điều chỉnh, bổ sung |
|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                     | hỏi của người đối thoại.                                                                             | - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.<br>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.                                                                                               |                     |
| 30                                                  | Trẻ nghe hiểu và trò chuyện về bình đẳng giới và một số quyền của trẻ em.                            | - Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể làm cùng 1 nhiệm vụ giống nhau.<br>- Nam giới và phụ nữ đều có thể làm cùng 1 công việc xã hội như nhau.<br>- Một số quyền của trẻ em như quyền sống còn, quyền được phát triển, quyền bảo vệ và quyền được tham gia. |                     |
| <b>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</b> |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |
| 31                                                  | - Trẻ nói rõ các tiếng.                                                                              | - Phát âm các tiếng của tiếng Việt.                                                                                                                                                                                                                          |                     |
|                                                     | - Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...                         | - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?                                                                                                                                                                                                    |                     |
|                                                     | - Bước đầu trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép                                                        | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.                                                                                                                                                                      |                     |
| 32                                                  | - Trẻ biết kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim... | - Kể lại sự việc.                                                                                                                                                                                                                                            |                     |
| 33                                                  | - Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, kể truyện...                              | - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè, kể truyện,...                                                                                                                                                                                                   |                     |
| 34                                                  | - Trẻ biết kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của cô giáo.                           | - Kể lại 1 vài tình tiết của truyện đã được nghe với sự giúp đỡ của cô giáo.<br>- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ của cô giáo.                                                                                                                         |                     |
|                                                     | - Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện dưới sự gợi ý của cô giáo.                  | - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.                                                                                                                                                                                                                |                     |
| 35                                                  | - Trẻ biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”, “Dạ”, “Thưa” trong giao tiếp.                                   | - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép                                                                                                                                                                                                                         |                     |
|                                                     | - Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.                                                             | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.                                                                                                                                                                         |                     |
| <b>3. Làm quen với việc đọc – viết</b>              |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |

| Stt                                                                                        | Mục tiêu                                                                                                                                             | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                             | Điều chỉnh, bổ sung |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 36                                                                                         | - Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở xem sách.                                                                                    | - Tiếp xúc với chữ, sách truyện.<br>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.<br>- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.<br>- Giữ gìn sách.<br>- Hoạt động phòng thư viện |                     |
| 37                                                                                         | - Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.                                                                                  | - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)                                               |                     |
| 38                                                                                         | - Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc                                                                                                                  | - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt.<br>- Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.<br>+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.                |                     |
| <b>IV. Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội</b>                                              |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                               |                     |
| <b>1. Thể hiện ý thức bản thân</b>                                                         |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                               |                     |
| 39                                                                                         | - Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.                                                                                                    | - Tên, tuổi, giới tính.                                                                                                                                                                       |                     |
|                                                                                            | - Trẻ nói được điều bé thích, không thích.                                                                                                           | - Những điều bé thích, không thích.                                                                                                                                                           |                     |
| <b>2. Thể hiện sự tự tin tự lực</b>                                                        |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                               |                     |
| 40                                                                                         | - Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.                                                                             | - Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.                                                                                                                          |                     |
| 41                                                                                         | - Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc đơn giản được giao.                                                                                          | - Cố gắng hoàn thành công việc đơn giản được giao.                                                                                                                                            |                     |
| <b>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</b> |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                               |                     |
| 42                                                                                         | - Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.<br>- Trẻ biết bộc lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.<br>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.  |                     |
| 43                                                                                         | - Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ. Thích nghe kể chuyện, nghe hát,                                                                                  | - Kính yêu Bác Hồ.<br>- Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.                                                                                                           |                     |

| Stt                                                                  | Mục tiêu                                                                                                                                                          | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                    | Điều chỉnh, bổ sung |
|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                      | đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                      |                     |
|                                                                      |                                                                                                                                                                   | - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước, Điện Biên.                                                                                                                  |                     |
| <b>4. Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội</b>                           |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                      |                     |
| 44                                                                   | - Trẻ thực hiện được một số quy định của lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.                          | - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).<br>- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột<br>- Chờ đến lượt.                                                        |                     |
| 45                                                                   | - Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.                                                                                                 | - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)                                                                                                                                         |                     |
| 46                                                                   | - Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.                                                                                                                            | - Chú ý nghe khi cô, bạn nói.                                                                                                                                                        |                     |
| <b>5. Quan tâm đến môi trường</b>                                    |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                      |                     |
| 47                                                                   | - Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.                                                                                                        | - Quan sát cảnh vật thiên nhiên<br>- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối gần gũi với trẻ.                                                                                             |                     |
|                                                                      | - Biết bỏ rác đúng nơi quy định                                                                                                                                   | - Giữ gìn vệ sinh môi trường. (không nuôi gia súc, gia cầm ở gầm sàn...)<br>- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.                                                       |                     |
|                                                                      |                                                                                                                                                                   | - Tiết kiệm điện, nước.                                                                                                                                                              |                     |
| <b>V. Phát triển thẩm mỹ</b>                                         |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                      |                     |
| <b>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp TNCS và các TPNT</b> |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                      |                     |
| 48                                                                   | - Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.                             | -Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |                     |
|                                                                      | - Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện. |                                                                                                                                                                                      |                     |
|                                                                      | - Trẻ vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của                                                                                                        |                                                                                                                                                                                      |                     |

| Stt                                                                  | Mục tiêu                                                                                         | Nội dung giáo dục                                                                                                                | Điều chỉnh, bổ sung |
|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                      | mình trước vẽ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình.                     |                                                                                                                                  |                     |
| <b>2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình</b>         |                                                                                                  |                                                                                                                                  |                     |
| 49                                                                   | - Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.                                  | - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.<br>- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca của dân tộc thái, tày, nùng...)    |                     |
| 50                                                                   | -Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa) | - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.<br>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.                  |                     |
| 51                                                                   | Trẻ làm quen với đàn oocgan và đánh được 1 số nốt nhạc theo yêu cầu của cô                       | - Tất mở đàn, nhớ vị trí và đánh được 1 số nốt nhạc.                                                                             |                     |
| 52                                                                   | - Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.                | - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.                                                                   |                     |
| 53                                                                   | - Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.                          | - Sử dụng một số kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.                                                                         |                     |
| 54                                                                   | - Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.                                   | - Sử dụng một số kĩ năng nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.                                                 |                     |
| 55                                                                   | - Biết lăn dọc, ấn dẹt đất nặn để nặn thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.                      |                                                                                                                                  |                     |
| 56                                                                   | - Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.            |                                                                                                                                  |                     |
| 57                                                                   | - Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình.                                                       | - Nhận xét sản phẩm tạo hình                                                                                                     |                     |
| <b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật</b> |                                                                                                  |                                                                                                                                  |                     |
| 58                                                                   | - Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.                               | - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.<br>- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). |                     |

| Stt | Mục tiêu                                              | Nội dung giáo dục                           | Điều chỉnh, bổ sung |
|-----|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|
| 59  | - Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích |                     |
| 60  | - Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình              | - Đặt tên cho sản phẩm của mình.            |                     |

KHỐI MẪU GIÁO NHỠ 4-5 TUỔI

| STT                                                                      | Mục tiêu                                                                              | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Điều chỉnh, bổ sung |
|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>I. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>                                   |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| <b>1. Phát triển vận động</b>                                            |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| <i>a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>   |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| 1                                                                        | Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh. | <ul style="list-style-type: none"><li>- Hô hấp: Hít vào, thở ra.</li><li>- Tay:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay).</li><li>+ Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).</li><li>+ Đưa ra trước, gập khuỷu tay</li><li>+ Đưa hai tay ra trước, về phía sau</li><li>+ Đánh xoay tròn hai vai</li></ul></li><li>- Lưng, bụng, lườn:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Cúi về phía trước, ngửa người ra sau.</li><li>+ Quay sang trái, sang phải.</li><li>+ Nghiêng người sang trái, sang phải.</li><li>+ Ngồi, cúi về trước, ngửa ra sau</li><li>+ Ngồi quay người sang hai bên</li></ul></li><li>- Chân:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Nhún chân.</li><li>+ Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.</li><li>+ Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối</li><li>+ Đứng, một chân đưa lên trước, khuỷu gối</li><li>+ Đứng, nhún chân, khuỷu gối</li><li>+ Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng</li><li>+ Bật lên trước, ra sau, sang bên</li></ul></li></ul> |                     |
| <i>b) Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động</i> |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |

|                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 2                                                                                       | <p>Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</li> <li>- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m</li> </ul>                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</li> <li>- Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 3                                                                                       | <p>Trẻ biết kiểm soát được VĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc).</li> </ul>                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.</li> <li>- Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</li> <li>- Trèo lên, xuống 5 gióng thang</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
| 4                                                                                       | <p>Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m)</li> <li>- Tung bóng lên cao và bắt</li> <li>- Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).</li> <li>- Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bắt bóng với người đối diện.</li> <li>- Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân</li> <li>- Ném trúng đích bằng 1 tay (đích đứng)</li> <li>- Đập và bắt bóng tại chỗ.</li> <li>- Tung bóng lên cao và bắt</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
| 5                                                                                       | <p>Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện BTTH:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây.</li> <li>- Ném trúng đích ngang (xa 2m)</li> <li>- Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.</li> <li>- Nhảy qua dây 25 - 30cm</li> </ul>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy 15m trong khoảng 10 giây.</li> <li>- Chạy chậm 60-80m.</li> <li>- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay</li> <li>- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m .</li> <li>- Bò đích dắc qua 5 điểm.</li> <li>- Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.</li> <li>- Trườn theo hướng thẳng .</li> <li>- Bật liên tục về phía trước.</li> <li>- Bật xa 35 - 40cm.</li> <li>- Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm).</li> <li>- Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.</li> <li>- Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.</li> <li>- Nhảy lò cò 3m.</li> <li>- Ném trúng đích bằng 1 tay (đích ngang)</li> <li>- Nhảy qua dây 25 - 30cm</li> </ul> |  |
| <i>Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt</i> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| 6                                                                                       | <p>Trẻ thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộn - xoay tròn cổ tay</li> <li>- Gập, mở, các ngón tay.</li> <li>- Đan nong mốt, tết</li> </ul>                                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ...</li> <li>- Gập giấy.</li> <li>- Đan nong mốt, tết</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |

|                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 7                                                                                     | <p>Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vẽ hình người, nhà, cây, quả, hoa,...</li><li>- Cắt thành thạo theo đường thẳng</li><li>- Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối.</li><li>- Biết tết sợi đôi.</li><li>- Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tô, vẽ hình.</li><li>- Lắp ghép hình.</li><li>- Xé, cắt đường thẳng.</li><li>- Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.</li></ul>                                                                 |  |
| <b>2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</b>                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                |  |
| <i>a) Trẻ biết 1 số món ăn, TP thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</i> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 8                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm:</li><li>- Thịt, cá ... có nhiều chất đạm.</li><li>- Rau, quả chín có nhiều VTM</li></ul>                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).</li></ul>                                                                                     |  |
|                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</li></ul>                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn của địa phương (1 số món ăn của dân tộc Thái, Tày, Nùng ...)</li></ul>                                                   |  |
|                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.</li></ul>                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</li><li>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, SDD, béo phì...).</li></ul> |  |
| <i>b. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</i>                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 9                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ thực hiện được 1 số việc khi được nhắc nhở:</li><li>- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.</li><li>- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn</li></ul>                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tập đánh răng, lau mặt.</li><li>- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.</li><li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li></ul>                                                          |  |
|                                                                                       | <p>Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"><li>- Cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn</li></ul>                                                                                                                     |  |
| <i>c. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 10                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống:</li><li>- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.</li><li>- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...</li><li>- Không uống nước lã</li></ul>                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tập luyện một số thói quen tốt và giữ gìn sức khỏe</li></ul>                                                                                                                           |  |
| 11                                                                                    | <p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p>                                                                                                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"><li>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</li></ul>                                                                                    |  |

|                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học</li> <li>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</li> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Bỏ rác đúng nơi qui định.</li> </ul>                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.</li> <li>- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.</li> <li>- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết</li> </ul>                                                                                                                                                                                                           |  |
| <i>d) Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</i> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
| 12                                                              | <p>Trẻ biết nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, nguồn lửa, nguồn điện.... là nguy hiểm không đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm.</li> <li>- Nhận biết được về nguồn lửa (bếp ga, bếp củi, bật lửa...) nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ (điện thoại, ti vi...)</li> <li>- Nhận biết các tín hiệu (còi báo động), phương tiện chữa cháy (binh chữa cháy, thùng đựng nước, chăn chữa cháy...) và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</li> </ul> |  |
|                                                                 | <p>Trẻ nhận ra những nơi như: Bể chứa nước, hòn non bộ, ao sen, ổ điện, quạt điện, mương nước, nguồn lửa, nguồn điện ... là nơi nguy hiểm tại trường và lớp học mầm non..., không được chơi gần.</p>                                                                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn</li> <li>- Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt (bếp ga, bếp củi, bật lửa...) và một số sự cố có thể gây cháy, nổ (chập điện)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                      |  |
|                                                                 | <p>Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....</li> <li>- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.</li> <li>- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
|                                                                 | <p>Trẻ nhận ra 1 số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |

|                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                  | <p>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 13                                                               | <p>- Nhận biết được các dạng thiên tai thường xảy ra nơi trẻ sinh sống.</p> <p>- Biết được mình phải nghe người lớn và làm theo những gì người lớn hướng dẫn.</p> <p>- Biết 1 số việc cần phải làm để tự đảm bảo sự an toàn cho bản thân như: né tránh nguy hiểm, thoát hiểm, biết chỗ trú ẩn nơi an toàn, biết cách cầu cứu, làm theo sự chỉ dẫn của người lớn.</p> | <p>- Giông sét; mưa đá, động đất, gió lốc.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
| <b>II. Phát triển nhận thức</b>                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| <b>1. Khám phá khoa học</b>                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| <i>a) Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</i> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 14                                                               | <p>Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ứt ? ...</p>                                                                                                                                            | <p>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống.</p> <p>- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.</p> <p>- Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây.</p>                                                                                                                                                                            |  |
|                                                                  | <p>Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p>                                                                                                                                                                                                                          | <p>- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</p> <p>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu</p> <p>- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.</p> <p>- Các nguồn nước trong môi trường sống (sông, suối, khe...).</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây</p> |  |
|                                                                  | <p>Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh nhận xét và trò chuyện.</p>                                                                                                                                                                                                                                               | <p>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
| 15                                                               | <p>Bước đầu trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p>                                                                                                                                                                                                 | <p>- Một số đặc điểm, tính chất của nước.</p> <p>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |

|                                                                                            |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                                            |                                                                                                                                        | - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 16                                                                                         | Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.                                                                           | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.<br>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. (đồ dùng gia đình người Thái, Tày, Nùng...)<br>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả<br>- Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu.<br>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng quen thuộc. |  |
| <i>b) Trẻ nhận biết MQH đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.</i> |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 17                                                                                         | Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn” | - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người ở Điện Biên (mưa đá, động đất, lở, hạn hán...).                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
|                                                                                            | Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.                 | - Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| <i>c) Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.</i>                |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 18                                                                                         | Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.                                        | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.<br>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
| 19                                                                                         | Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình ...                                            | - Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình...                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
| 20                                                                                         | Trẻ làm quen với máy tính , chơi được 1 số trò chơi trong phần mềm Kidsmart                                                            | - Khám phá 1 số trò chơi trong phần mềm Kidsmart.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| <b>2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>                                    |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| <i>a) Trẻ nhận biết số đếm, số lượng</i>                                                   |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 21                                                                                         | Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”, “Là số mấy?”.                                 | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.<br>- Đếm đến 10 bằng tiếng Anh                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |
|                                                                                            | Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.<br>Trẻ có thể đếm đến 10 bằng tiếng Anh                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |

|                                                                          |                                                                                                                                             |                                                                                                                                            |  |
|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                          | Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. |                                                                                                                                            |  |
|                                                                          | Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, STT                                                                                         | - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.                                                                                           |  |
| 22                                                                       | Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả                                                             | - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.                                                                                                           |  |
|                                                                          | Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn                                                                                       | - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn..                                                                                         |  |
| 23                                                                       | Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.                                                                    | - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (biển số xe, tên đội...).                                            |  |
| <i>b) Trẻ biết sắp xếp theo quy tắc</i>                                  |                                                                                                                                             |                                                                                                                                            |  |
| 24                                                                       | Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.                                                                       | - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.<br>- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi                                             |  |
| <i>c) Trẻ biết so sánh hai đối tượng</i>                                 |                                                                                                                                             |                                                                                                                                            |  |
| 25                                                                       | Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.                                                | - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo<br>- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.                                                                 |  |
| <i>d) Trẻ biết nhận biết hình dạng</i>                                   |                                                                                                                                             |                                                                                                                                            |  |
| 26                                                                       | Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và CN ....)                                                  | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.                                    |  |
|                                                                          | Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.                                                                        | - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.                                                      |  |
| <i>e) Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.</i> |                                                                                                                                             |                                                                                                                                            |  |
| 27                                                                       | Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.                                                           | - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). |  |
| 28                                                                       | Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày                                                                        | - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.                                                                                              |  |
| <b>3. Khám phá xã hội</b>                                                |                                                                                                                                             |                                                                                                                                            |  |
| <i>a) Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</i>  |                                                                                                                                             |                                                                                                                                            |  |
| 29                                                                       | Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện                                                                    | - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.                                                                      |  |
|                                                                          | Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong                                                                          |                                                                                                                                            |  |

|                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                            | <p>GD khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về GD</p> <p>Trẻ nói được địa chỉ của GD mình (thôn, đội) khi được hỏi, trò chuyện.</p>                                                                                                                                                                                           | <p>- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ.</p> <p>- Địa chỉ gia đình. Một số nhu cầu của gia đình (gia đình dân tộc Thái, 1 số trang phục người dân tộc Thái, Tày...)</p>                                                                                                                                      |  |
| 30                                                                         | <p>Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường trong khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>                     | <p>- Tên, địa chỉ của trường lớp.</p> <p>- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</p> <p>- Họ tên (các bạn dân tộc Thái, Tày, Nùng) và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</p>                                                                                                                                     |  |
| <i>b) Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
| 31                                                                         | <p>Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.</p>                                                                                                                                                                                                                 | <p>- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của Điện Biên: Đan lát, dệt thổ cẩm, bánh Khẩu Xén, bánh Chí Chộp, miến dong... sản phẩm của nghề nông: Gạo tám thơm, sến cù, nếp cẩm ...</p>                                                                                                           |  |
| <i>c) Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh</i>                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
| 32                                                                         | <p>Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội: Tết Trung thu; ngày 20/10; Tết Nguyên Đán; Ngày 8/3; ngày 20/11; Lễ hội hoa Ban ...</p> <p>- Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở Điện Biên (Đồi A1; Hàm Đờ cát ...), của Đất nước (Lăng Bác, Hồ Gươm, Đền Hùng, Dinh Độc Lập...)</p> | <p>Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của địa phương (Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội hoa ban, di tích đồi A1, bảo tàng chiến thắng ĐBP, Đền Hoàng Công Chất...); của Đất nước (Ngày Quốc Khánh 2/9, Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12, Ngày giải phóng miền Nam 30/4, Lễ hội Đền Hùng...)</p> |  |
| <b>III. Phát triển ngôn ngữ</b>                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
| <i>1. Nghe hiểu lời nói</i>                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
| 33                                                                         | <p>Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, VD: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”</p> <p>Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...</p>                                                                                                                                            | <p>- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.</p> <p>- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.</p>                                                                                                                                                                                                                                   |  |

|                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</li><li>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</li></ul>                                  |  |
|                                                     | Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.                                                                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.</li></ul>                                                                                                                                             |  |
| 34                                                  | Trẻ nghe hiểu và trò chuyện về 1 số quyền của trẻ em; về bình đẳng giới.                                                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể làm cùng 1 nhiệm vụ giống nhau.</li><li>- Nam giới và phụ nữ đều có thể làm cùng 1 công việc xã hội như nhau.</li><li>- Một số quyền của trẻ em</li></ul>               |  |
| <b>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</b> |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 35                                                  | Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được                                                                                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"><li>- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó</li><li>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.</li></ul>                                                                      |  |
|                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...</li><li>- Trẻ biết sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng Tiếng Việt trong giao tiếp hàng ngày</li><li>- Trẻ được làm quen với Tiếng anh</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh</li><li>- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.</li><li>- Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ dân tộc</li><li>- Làm quen với tiếng Anh</li></ul> |  |
|                                                     | Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 36                                                  | - Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.                                                                                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.</li></ul>                                                                                                                                                                 |  |
| 37                                                  | Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...                                                                                                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"><li>- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.</li></ul>                                                                                                                                                         |  |
| 38                                                  | Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.                                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"><li>- Kể lại truyện đã được nghe dưới sự gợi ý của cô giáo</li><li>- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh</li><li>- Đóng kịch.</li></ul>                                                                            |  |
|                                                     | Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 39                                                  | Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.                                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"><li>- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.</li></ul>                                                                                                                                                                |  |
| 40                                                  | - Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.                                                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</li></ul>                                                                                                                 |  |
| <b>3. Làm quen với việc đọc – viết</b>              |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 41                                                  | Trẻ biết chọn sách để xem. 4,7                                                                                                                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"><li>- Đọc” truyện qua các tranh vẽ</li><li>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</li></ul>                                                                                                                    |  |
|                                                     | Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. 2                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                      |  |

|                                                                                                |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                                                | Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). 6, 8 | - Giữ gìn, bảo vệ sách<br>- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.<br>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:<br>+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.<br>+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.<br>- Hoạt động phòng thư viện |  |
| 42                                                                                             | Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm ...                    | - Nhận dạng một số chữ cái<br>- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)                                                                                                          |  |
| 43                                                                                             | Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng ...                                          | - Tập tô, tập đồ các nét chữ                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
| 44                                                                                             | Trẻ nhận dạng và làm quen 10 - 15 chữ trong bảng chữ cái TV                                                       | - Nhận biết 10 - 15 chữ cái.                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
| <b>IV. Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội</b>                                                  |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
| <b>1. Thể hiện ý thức bản thân</b>                                                             |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
| 45                                                                                             | Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.                                                       | - Tên, tuổi, giới tính của bản thân; tên bố, mẹ.                                                                                                                                                                                                                                      |  |
|                                                                                                | Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.                                        | - Sở thích, khả năng của bản thân.                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
| <b>2. Thể hiện sự tự tin tự lực</b>                                                            |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
| 46                                                                                             | Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.                                                                  | - Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|                                                                                                | Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).                                         | - Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).                                                                                                                                                                                                                    |  |
| <b>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</b> |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
| 47                                                                                             | Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh        | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.                                                                                                                                                            |  |
|                                                                                                | Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.                                         | - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình                                                                                                                                                                      |  |
| 48                                                                                             | Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.                                                                         | - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.                                                                                                                                                                                                                                               |  |
|                                                                                                | Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.                               | - Kính yêu Bác Hồ.                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |

|                                                                                       |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                        |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 49                                                                                    | Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của Điện Biên: Đồi A1; Hàm Đờ cát...                                                                                                        | - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của Điện Biên: Đồi A1, Hàm Đờ Cát, Lễ hội Hoa Ban, Lễ hội Đền Hoàng Công Chất...                                                                      |  |
| <b>4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</b>                                            |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                        |  |
| 50                                                                                    | Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và GD: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.                                 | - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).<br>- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.                |  |
| 51                                                                                    | Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.                                                                                                                               | - Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.                                                                                                                                                                   |  |
| 52                                                                                    | Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.                                                                                                                                               | - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép lịch sự                                                                                                                            |  |
| 53                                                                                    | Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở                                                                                                                                       | - Chờ đến lượt, hợp tác.<br>- Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.                                                                                                                           |  |
| 54                                                                                    | Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)                                                                                  | - Quan tâm, giúp đỡ bạn.                                                                                                                                                                               |  |
| <b>5. Quan tâm đến môi trường</b>                                                     |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                        |  |
| 55                                                                                    | Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.                                                                                                                                   | - Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối, bảo vệ rừng...                                                                                                                                                     |  |
|                                                                                       | Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định                                                                                                                                             | - Giữ gìn vệ sinh môi trường. (không nuôi gia súc, gia cầm ở gần sân).                                                                                                                                 |  |
| 56                                                                                    | Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.                                                                                                                                                   | - Không bẻ cành, bứt hoa                                                                                                                                                                               |  |
| 57                                                                                    | Trẻ không để tràn nước khi rửa tay. Biết tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.                                                                                                | - Tiết kiệm điện, nước.                                                                                                                                                                                |  |
| <b>V. Phát triển thẩm mỹ</b>                                                          |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                        |  |
| <b>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên cuộc sống và các TPNT</b> |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                        |  |
| 58                                                                                    | Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. | - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật ( <i>dệt thổ cẩm...</i> ) |  |
|                                                                                       | Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.             |                                                                                                                                                                                                        |  |
|                                                                                       | Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                        |  |

|                                                                      |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                      | lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm TH.                                             |                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| <b>2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình</b>         |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 59                                                                   | Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ | - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca của địa phương)<br>- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.                                                                                    |  |
| 60                                                                   | Trẻ biết VĐ nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (VTTN, tiết tấu, múa)              | - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc của dân tộc Thái, Tày, Nùng... nhảy sạp.<br>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu bằng dụng cụ âm nhạc sẵn có ở địa phương: đá, ống tre, ống nứa.... |  |
| 61                                                                   | Trẻ làm quen với đàn oocgan và đánh được 1 số nốt nhạc theo yêu cầu của cô giáo.                                 | - Nhận ra và đánh được các nốt nhạc (7 nốt)                                                                                                                                                                                                      |  |
| 62                                                                   | Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.                                               | - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các SP                                                                                                                                                             |  |
| 63                                                                   | Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.             | - Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra các sản phẩm có màu sắc, hình dáng/ đường nét.                                                                                                                                    |  |
| 64                                                                   | Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.                       |                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 65                                                                   | Trẻ biết làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, uốn nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.              |                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 66                                                                   | Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.                |                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 67                                                                   | Trẻ biết nhận xét các SPTH về màu sắc, đường nét, hình dáng.                                                     | - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.                                                                                                                                                                                   |  |
| <b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật</b> |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 68                                                                   | Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.                                      | - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.                                                                                                                                                                                           |  |
|                                                                      | Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.                                            | - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát bằng đồ vật sẵn có ở địa phương: Đá, ống tre, ống nứa ...                                                                                                                            |  |

|    |                                                                        |                                                                                                            |  |
|----|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 69 | Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.<br>- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình |  |
| 70 | Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình                                 | - Đặt tên cho sản phẩm của mình                                                                            |  |

KHÔI MẪU GIÁO LỚN 5-6 TUỔI

| TT                                                                      | Mục tiêu                                                                                                                                                     | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Điều chỉnh, bổ sung |
|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>I. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>                                  |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                     |
| <b>1. Phát triển vận động.</b>                                          |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                     |
| <i>a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.</i> |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                     |
| 1                                                                       | Trẻ thực hiện đúng, thuần thục, đầy đủ các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. | <b>- Hô hấp:</b><br>+ Hít vào, thở ra.<br><b>- Tay:</b><br>+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).<br>+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân.<br>+ Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.<br>+ Đưa tay ra phía trước, sau.<br>+ Đưa tay ra trước, sang ngang<br>+ Đánh xoay tròn hai cánh tay.<br>+ Đánh chéo 2 tay ra phía trước, sau.<br>+ Luân phiên từng tay đưa lên cao<br><b>- Lưng, bụng, lườn:</b><br>+ Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.<br>+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay giang ngang, chân bước sang phải, sang trái.<br>+ Nghiêng người sang 2 bên kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải sang trái.<br>+ Đứng cúi về trước<br>+ Đứng quay người sang bên.<br>+ Nghiêng người sang bên.<br>+ Cúi về trước, ngửa ra sau.<br>+ Quay người sang bên<br><b>- Chân:</b> |                     |

| TT                                                                | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Điều chỉnh, bổ sung |
|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.</li> <li>+ Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về sau.</li> <li>+ Khụy gối</li> <li>+ Bật, đưa chân sang ngang.</li> <li>+ Đưa chân ra các phía.</li> <li>+ Nâng cao chân, gập gối.</li> <li>+ Bật về các phía</li> </ul>                                                                                                     |                     |
| b) Thể hiện kĩ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                     |
| 2                                                                 | <p>Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0.3m) 1 đầu kê cao 0.3m</li> <li>- Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.</li> <li>- Đứng 1 chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đi khụy gối.</li> <li>+ Đi bằng mép ngoài bàn chân.</li> <li>+ Đi trên dây (Dây đặt trên sàn)</li> <li>+ Đi lên xuống trên ván dốc dài (2m* 0,3m)</li> <li>+ Đi nổi bàn chân tiến, lùi.</li> <li>+ Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m*0,25m* 0,35m) đầu đội túi cát</li> <li>- Đứng 1 chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây</li> </ul>                                                                              |                     |
| 3                                                                 | <p>Trẻ biết kiểm soát được vận động:</p> <p>Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng theo hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)</p>                                                                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh</li> <li>+ Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh</li> <li>+ Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh</li> <li>+ Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh ít nhất 3 lần</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                      |                     |
| 4                                                                 | <p>Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m).</li> <li>- Ném trúng đích đứng (xa 2m * cao 1,5 m).</li> <li>- Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.</li> </ul>                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tung bóng lên cao và bắt bóng</li> <li>+ Tung bắt bóng tại chỗ.</li> <li>+ Ném trúng đích thẳng đứng (xa 2m, cao 1,5m)</li> <li>+ Ném trúng đích nằm ngang bằng 2 tay</li> <li>+ Ném xa bằng 1 tay</li> <li>+ Ném xa bằng 2 tay</li> <li>+ Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân</li> <li>+ Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách xa 4m).</li> <li>+ Đi và đập bắt bóng</li> <li>+ Đập bắt bóng tại chỗ</li> </ul> |                     |
| 5                                                                 | <p>Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p>                                                                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chạy chậm khoảng 100-120m.</li> <li>+ Chạy 18m trong khoảng 10 giây</li> <li>+ Bò bằng bàn tay bàn chân 4-5m.</li> <li>+ Bò đích đặc qua 6 điểm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |

| TT                                                                                                                         | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Điều chỉnh, bổ sung |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.</li><li>Chạy liên tục 120m không hạn chế thời gian. (Bộ chuẩn)</li><li>- Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1.5 m theo đúng yêu cầu.</li><li>+ Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất</li><li>- Bật xa tối thiểu 50cm</li><li>- Nhảy từ trên cao xuống</li></ul>   | <ul style="list-style-type: none"><li>+ Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.</li><li>+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1.5m *30 cm</li><li>+ Bật liên tục vào vòng.</li><li>+ Bật xa 40-50cm</li><li>+ Bật nhảy từ trên cao xuống 40-45cm.</li><li>+ Bật tách khớp chân qua 7 ô</li><li>+ Bật qua vật cản 15-20 cm</li><li>+ Trèo lên, xuống 5-7 gióng thang</li><li>+ Nhảy lò cò 5m.</li></ul> |                     |
| <i>c) Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng 1 số đồ dùng, dụng cụ.</i> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |
| 6                                                                                                                          | Trẻ thực hiện được các vận động: <ul style="list-style-type: none"><li>- Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay.</li><li>- Gập mở lần lượt từng ngón tay</li><li>- Cắt được theo đường viền của hình vẽ.</li><li>- Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu</li><li>- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu</li><li>- Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya.)</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Các cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay</li><li>- Bẻ, nắn</li><li>- Lắp ráp</li><li>- Xé cắt đường vòng cung</li><li>- Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu luồn buộc dây.Cởi cúc</li><li>- Đan nong mốt</li></ul>                                                                                                                          |                     |
|                                                                                                                            | Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: <ul style="list-style-type: none"><li>- Vẽ và sao chép các chữ cái, chữ số</li></ul>                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tô đồ theo nét</li><li>- Tô kín màu không chồm ra ngoài</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
| <i>2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |
| <i>a) Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</i>                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |
| 7                                                                                                                          | Trẻ biết lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm. <ul style="list-style-type: none"><li>- TP giàu chất đạm: Thịt, cá,</li><li>- TP giàu vitamin và muối khoáng, rau, quả...</li></ul>                                                                                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.</li><li>- Nhận biết một số (Rau, củ, quả gần gũi) thực phẩm, đặc trưng của dân tộc Thái, Khơ Mú...</li></ul>                                                                                                                                                             |                     |
|                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ biết được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"><li>- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                           |                     |

| TT                                                                                   | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Điều chỉnh, bổ sung |
|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                                      | canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
|                                                                                      | - Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để nguội mạnh, uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì, không có lợi cho SK                                                                                                                                                                                                                 | - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.<br>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).                                                                                                                                                                                                                          |                     |
| <i>b. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</i>                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| 8                                                                                    | Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.<br>- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.<br>- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.<br>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.<br>- Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo                                                                | Tập luyện kĩ năng:<br>- Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.<br>- Thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. Mặc trang phục dân tộc Thái.<br>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.<br>- Chăm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.                                                                                                              |                     |
| <i>c. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| 9                                                                                    | Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:<br>- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.<br>- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.<br>- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau<br>- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.                                                                                                                                         | - Một số hành vi văn hóa, văn minh trong ăn uống:<br>+ Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.<br>+ Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.<br>+ Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau<br>+ Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.                                                                                                                                                                            |                     |
| 10                                                                                   | Trẻ có một số hành vi, thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:<br>- Vệ sinh răng miệng sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.<br>- Ra nắng đội mũ. Đi tắt mặc áo ấm khi trời lạnh.<br>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....<br>- Che miệng khi ho, hắt hơi.<br>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.<br>- Bỏ rác đúng nơi qui định, không nhổ bậy ra lớp. | - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe:<br>+ Tập luyện kĩ năng: Đánh răng trước khi đi ngủ và sau khi ngủ dậy, có thói quen tắm rửa sạch sẽ hàng ngày<br>+ Giữ gìn, vệ sinh đầu tóc, quần áo gọn gàng<br>- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.<br>- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.<br>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh |                     |

| TT                                                              | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Điều chỉnh, bổ sung |
|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"><li>- Che miệng khi ho, hắt hơi.</li><li>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                     |
| <i>d) Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</i> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                     |
| 11                                                              | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần. Không nghịch các vật sắc nhọn.</li><li>- Biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ.</li></ul>                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"><li>- Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</li><li>- Tránh những nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ</li></ul>                                                                                                                                                                                                                        |                     |
| 12                                                              | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trẻ biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh;</li><li>- Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc.</li><li>- Biết không tự ý uống thuốc;</li><li>- Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc, uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho SK</li></ul>                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"><li>- Những hành động nguy hiểm đến tính mạng như: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc.</li><li>- Biết không tự ý uống thuốc;</li><li>- Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc, uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.</li></ul>                                                                                                                       |                     |
| 13                                                              | <p>Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</li><li>- Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy</li><li>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn.</li></ul> <p>+ Khi người lạ bế, ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</p> | <p>Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Không đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ khi chưa được người lớn cho phép</li><li>- Các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy</li><li>- Tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ (Bếp ga, bật lửa, diêm, than nóng, bếp củi đang cháy, chập điện...)</li></ul> <p>.</p> |                     |

| TT                                                               | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                | Điều chỉnh, bổ sung |
|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                  | + Ra khỏi nhà, khu vực trường lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.<br>+ Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ.<br>- Biết được địa chỉ, nơi ở, SĐT gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
|                                                                  | Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:<br>- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi;<br>- Đi bộ trên hè, đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.<br>- Không leo trèo cây, ban công, tường rào.                                                                              | - Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng                                                                                                                         |                     |
| 14                                                               | - Nhận biết được các dạng thiên tai thường xảy ra nơi trẻ sinh sống.<br>- Biết được mình phải nghe người lớn và làm theo những gì người lớn hướng dẫn.<br>- Biết 1 số việc cần phải làm để tự đảm bảo sự an toàn cho bản thân: né tránh nguy hiểm, thoát hiểm, biết chỗ trú ẩn nơi an toàn, biết cách cầu cứu, làm theo sự chỉ dẫn của người lớn. | - Giông sét; mưa đá, động đất, gió lốc.                                                                                                                                                                                          |                     |
| <b>II. Phát triển nhận thức</b>                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
| <b>1. Khám phá khoa học</b>                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
| <i>a) Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</i> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
| 15                                                               | Trẻ biết tò mò,tìm tòi, khám phá các sự vật , hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng tại sao có mưa?Mưa đá, giông, sấm sét, động đất.                                                                                                                                                                                        | - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.<br>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.<br>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. |                     |
|                                                                  | Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng..                                                                                                                                                   | - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.<br>- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.                                                                                                          |                     |

| TT                                                                                                 | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                        | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Điều chỉnh, bổ sung |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                                                    | Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. | <ul style="list-style-type: none"><li>- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.</li><li>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi, PTGT</li><li>- Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc.</li><li>- Các nguồn nước trong môi trường sống (sông, suối, khe...).</li><li>- Một số đặc điểm, tính chất của nước.</li><li>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây</li><li>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</li><li>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.</li><li>- Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển</li></ul> |                     |
|                                                                                                    | Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                     |
|                                                                                                    | Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.</li><li>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.</li><li>- Phân loại một số phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                     |
| <i>b) Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.</i> |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                     |
| 16                                                                                                 | Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi.                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.</li><li>- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
| 17                                                                                                 | Trẻ có thể dự đoán 1 số HTTN đơn giản sắp xảy ra                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"><li>- Dự đoán về HTTN như: Trời sắp mưa, nắng...</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |
| 18                                                                                                 | Trẻ biết giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"><li>- Giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| <i>c) Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.</i>                        |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                     |

| TT                                                      | Mục tiêu                                                                                                                                              | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                  | Điều chỉnh, bổ sung |
|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 19                                                      | Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.                                                   | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả, PTGT<br>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. |                     |
| 20                                                      | Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...                                                                   | - Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...                                                                                |                     |
| 21                                                      | Trẻ làm quen với máy tính , chơi được 1 số trò chơi trong phần mềm Kismart                                                                            | - Khám phá 1 số trò chơi trong các ngôi nhà (Samy, Trumy...) trong phần mềm Kismart.                                                                               |                     |
| <b>2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b> |                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                    |                     |
| <i>a) Trẻ nhận biết số đếm, số lượng</i>                |                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                    |                     |
| 22                                                      | Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...                                                     | - Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: "Bao nhiêu?" "Là số mấy?".                                                                |                     |
|                                                         | Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng<br>Trẻ có thể biết đếm từ 1 đến 10 bằng tiếng Anh                                   | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.<br>- Đếm đến 10 bằng tiếng Anh                                                                         |                     |
|                                                         | Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. | - So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng<br>- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan                                                                       |                     |
|                                                         | Trẻ biết nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.                                                                  | - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.                                                                                                              |                     |
| 23                                                      | Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.                                                                                              | - Gộp các nhóm đối tượng và đếm.                                                                                                                                   |                     |
|                                                         | Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau                                                              | - Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và đếm.                                                                          |                     |
| 24                                                      | Trẻ biết nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày                                                                                  | - Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).                                                                              |                     |
| <i>b) Trẻ biết sắp xếp theo quy tắc</i>                 |                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                    |                     |
| 25                                                      | Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu                                                                                   | - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.<br>- Tạo ra quy tắc sắp xếp.                                                                         |                     |

| TT                                                                | Mục tiêu                                                                                                                         | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                          | Điều chỉnh, bổ sung |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 26                                                                | Trẻ biết nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.                                                                          | - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp                                                                                                                                                                                                              |                     |
|                                                                   | Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |
| c) Trẻ biết so sánh hai đối tượng                                 |                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |
| 27                                                                | Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đo và so sánh, nói kết quả.                                                               | - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.<br>- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.<br>- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.                                                                                       |                     |
| d) Trẻ biết nhận biết hình dạng                                   |                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |
| 28                                                                | Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.                 | - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.<br>- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu<br>- Tạo ra 1 số hình học bằng các cách khác nhau. |                     |
| e) Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian. |                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |
| 29                                                                | Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.                                             | - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.                                                                                        |                     |
| 30                                                                | Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.                                                                     | - Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.<br>- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.                                                                                                                                                           |                     |
| 3. Khám phá xã hội                                                |                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |
| a) Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng  |                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |
| 31                                                                | Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.                                           | - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.                                                                                                                                                     |                     |
|                                                                   | Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về GD | - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình. Qui mô gia đình( gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình.                                                                      |                     |
|                                                                   | Trẻ nói được địa chỉ GD mình (Thôn, đội bản), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện.                                 | - Địa chỉ gia đình mình (Thôn, đội bản), số điện thoại (nếu có). (gia đình người Thái, Mông, đồ dùng đặc                                                                                                                                                   |                     |

| TT                                                                         | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                              | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Điều chỉnh, bổ sung |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                       | trung trong gia đình của dân tộc thái, Mông...).                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
|                                                                            | Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện...                                                                                                                                | - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non.<br>- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.                                                                                                                                                                                                                        |                     |
|                                                                            | Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.                                                                                                                              | - Tên, đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |
|                                                                            | Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                     |
| <i>b) Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i> |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                     |
| 32                                                                         | Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”                                                                                            | - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của Điện Biên: Đan lát, dệt thổ cẩm, thêu...sản phẩm của nghề nông: Gạo tám thơm, sến cù, nếp cẩm ...                                                                                                                             |                     |
| <i>c) Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh</i>                   |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                     |
| 33                                                                         | Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên, tết trung thu, tết nguyên đán, lễ hội Hoa Ban... | - Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước: Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả bản em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên, tết trung thu, tết nguyên đán, lễ hội Hoa Ban ...<br>- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh: di tích đồi A1, Hàm Đờ Cát.. |                     |
| 34                                                                         | - Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương Điện Biên: Đồi A1, Hàm Đờ cát... .                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                     |
| <b>III. Phát triển ngôn ngữ</b>                                            |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                     |
| <i>1. Nghe hiểu lời nói</i>                                                |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                     |
| 35                                                                         | Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể,                                                                                                                                                                               | Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. VD: “Các bạn mặc áo màu đỏ đứng sang bên phải, các bạn mặc áo màu xanh đứng sang bên trái...”                                                                                                                                                                                       |                     |
|                                                                            | Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng GD, đồ dùng học tập...).                                                                                                                    | - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.<br>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.                                                                                                                                                                                                                        |                     |

| TT                                                  | Mục tiêu                                                                                       | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Điều chỉnh, bổ sung |
|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                     | Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.                                     | - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.<br>- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu về phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng GD, đồ dùng học tập...).<br>Sử dụng các từ chỉ tính chất đặc điểm của một số phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng GD, đồ dùng học tập...).<br>- Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. |                     |
| 36                                                  | Trẻ nghe hiểu và trò chuyện về một số quyền trẻ em và bình đẳng giới.                          | - Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể làm cùng 1 nhiệm vụ giống nhau.<br>- Nam giới và phụ nữ đều có thể làm cùng 1 công việc xã hội như nhau.<br>- Một số quyền trẻ em                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                     |
| <b>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</b> |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                     |
| 37                                                  | Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. | - Kể lại sự việc theo trình tự.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                     |
|                                                     | - Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.            | - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.<br>- <i>Tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc (Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.)</i><br>- <i>Làm quen tiếng Anh: Trẻ nói được một số từ tiếng Anh đơn giản trong cuộc sống hàng ngày</i>                                                                                                                                |                     |
|                                                     | Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh ...          | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.<br>- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?<br>- Đặt các câu hỏi: "tại sao?", "như thế nào ?", "làm bằng gì ?"                                                                                                                                                                               |                     |
|                                                     | - Trẻ biết miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động,                                   | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                     |

| TT                                            | Mục tiêu                                                                                                                      | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Điều chỉnh, bổ sung |
|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                               | tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| 38                                            | Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...                                                                            | - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
| 39                                            | Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện | - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.<br>- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.<br>- Đóng kịch.                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                     |
|                                               | Trẻ biết đóng được vai của nhân vật trong truyện                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| 40                                            | Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống                                  | - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                     |
| 41                                            | Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.                                                                           | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                     |
| <b>3. Làm quen với việc đọc - viết</b>        |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| 42                                            | Chọn sách để “đọc” và xem.                                                                                                    | - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau<br>- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.<br>- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ<br>- Làm quen với cách đọc và viết Tiếng Việt:<br>+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới<br>- Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.<br>- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.<br>- Giữ gìn, bảo vệ sách.<br>- Hoạt động phòng thư viện |                     |
|                                               | Trẻ có thể kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
|                                               | Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| 43                                            | Trẻ có thể nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo GT...                      | - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |
| 44                                            | Trẻ nhận dạng được các chữ trong bảng chữ cái TV và có thể nhận dạng được các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Anh            | - Nhận dạng các chữ cái tiếng Việt, chữ cái tiếng Anh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                     |
| 45                                            | Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. Tô đồ được 1 số nét chữ cái tiếng Anh            | - Tập sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.<br>- Tập tô, tập đồ các nét chữ tiếng Việt, chữ cái tiếng Anh                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                     |
| <b>IV. Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội</b> |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |

| TT                                                                                             | Mục tiêu                                                                                                                                                       | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                           | Điều chỉnh, bổ sung |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>1. Thể hiện ý thức bản thân</b>                                                             |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                             |                     |
| 46                                                                                             | Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.                                                                    | - Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.                                                                                                               |                     |
|                                                                                                | Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được                                                                  | - Sở thích, khả năng của bản thân<br>- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).<br>- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.                                                  |                     |
|                                                                                                | Trẻ có thể nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)                                                     | - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác                                                                                                                                           |                     |
| <b>2. Thể hiện sự tự tin tự lực</b>                                                            |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                             |                     |
| 47                                                                                             | Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.                                                                                                       | - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.                                                                                                                             |                     |
|                                                                                                | Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.                                                                                                  | - Nghe lời, giúp đỡ bố, mẹ, cô giáo những công việc vừa sức.                                                                                                                                |                     |
|                                                                                                | Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).                                                                          | - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.                                                                                                                                               |                     |
|                                                                                                | Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.                                                                                                                 | - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).                                                                                                                            |                     |
| <b>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</b> |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                             |                     |
| 48                                                                                             | Trẻ có thể nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc<br>- MQH giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. |                     |
|                                                                                                | Trẻ có thể biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.                                                                              | - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.                                                                                   |                     |
| 49                                                                                             | Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè..                                                                                                          | - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình                                                                                                                                           |                     |
| 50                                                                                             | - Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc...)                                                         | - Hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc...)<br>- Thể hiện được tình cảm kính yêu Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ        |                     |
|                                                                                                | Trẻ thể hiện được tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.                                                                       |                                                                                                                                                                                             |                     |
| 51                                                                                             | - Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang                                                                | - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước                                                                                                                    |                     |

| TT                                                                             | Mục tiêu                                                                                                                                                                                             | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                               | Điều chỉnh, bổ sung |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                                                                | phục, món ăn,...) của quê hương, đất nước                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                 |                     |
| 4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội                                            |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                 |                     |
| 52                                                                             | Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và GD và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. | - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).                                                                               |                     |
|                                                                                | Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép                                                                                                                                                       | - Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.                                                                                                                                                                    |                     |
| 53                                                                             | Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác                                                                                                                                       | - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.                                                                                                                                                                                |                     |
|                                                                                | Trẻ biết chờ đến lượt                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                 |                     |
| 54                                                                             | Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.                                                                                                                        | - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. <i>(chia sẻ với các bạn nghèo vùng cao Điện Biên, cảm thông, chia sẻ với mọi người trong hoàn cảnh thiên tai).</i>                                                            |                     |
|                                                                                | Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).                                                                                            | - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép lịch sự                                                                                                                                     |                     |
| 5. Quan tâm đến môi trường                                                     |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                 |                     |
| 55                                                                             | Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.                                                                                                                                                          | - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.                                                                                                                                                                           |                     |
| 56                                                                             | Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.                                                                                                                                                                   | - Giữ gìn vệ sinh môi trường (không nuôi gia súc, gia cầm ở gầm sàn).                                                                                                                                           |                     |
|                                                                                | Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).                                                                                                 | - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.                                                                                                                                               |                     |
| 57                                                                             | Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.                                                                         | - Tiết kiệm điện, nước.                                                                                                                                                                                         |                     |
| V. Phát triển thẩm mỹ                                                          |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                 |                     |
| 1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên cuộc sống và các TPNT |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                 |                     |
| 58                                                                             | Trẻ có thể tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng    | - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. <i>(thêu, dệt thổ cẩm...)</i> |                     |

| TT                                                           | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                      | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                               | Điều chỉnh, bổ sung |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 59                                                           | Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện      | - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau ( <i>nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển dân ca Thái, dân tộc Tày, Nùng...</i> ).<br>- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.                                  |                     |
| <b>2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình</b> |                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                     |
| 60                                                           | Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình                                                                                      | - Thể hiện thái độ tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.                                                                                                                             |                     |
| 61                                                           | Trẻ có thể hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...<br>- Có thể hát theo, hát thuộc 1 số bài hát quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh | Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.<br>- Hát theo, hát thuộc 1 số bài hát quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh<br>- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc của dân tộc Thái, Tày, Nùng... |                     |
| 62                                                           | Trẻ có thể vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).<br>- Có thể vận động theo 1 số bài hát quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh        | nhảy sạp<br>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu bằng dụng cụ âm nhạc sẵn có ở địa phương: đá, ống tre, ống nứa....<br>- Vận động theo 1 số bài hát quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng Anh                                                   |                     |
| 63                                                           | Trẻ làm quen với đàn oocgan và đánh được 1 số nốt nhạc theo yêu cầu của cô giáo.                                                                                                                                              | - Nhận ra và đánh được các nốt nhạc và 1 số đoạn nhạc đơn giản                                                                                                                                                                                                  |                     |
| 64                                                           | Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.                                                                                                                                   | + Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.<br>+ Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích                                                    |                     |
| 65                                                           | Trẻ có thể phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.                                                                                                                                 | - Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.                                                                                                                                |                     |
| 66                                                           | Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                     |

| TT                                                                   | Mục tiêu                                                                                                    | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                   | Điều chỉnh, bổ sung |
|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 67                                                                   | Trẻ biết phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối..                                 |                                                                                                                                                                                     |                     |
| 68                                                                   | Trẻ có thể phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các SP có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối  |                                                                                                                                                                                     |                     |
| 69                                                                   | Trẻ có thể nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.                                    | - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục                                                                                                             |                     |
| <b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật</b> |                                                                                                             |                                                                                                                                                                                     |                     |
| 70                                                                   | Trẻ có thể tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích. | - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.<br>- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn). |                     |
|                                                                      | Trẻ có thể gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn                                                        |                                                                                                                                                                                     |                     |
| 71                                                                   | Trẻ có thể nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.                                    | - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.<br>- Nói lên ý tưởng TH của mình.                                                        |                     |
| 72                                                                   | Trẻ có thể đặt tên cho sản phẩm tạo hình                                                                    | - Đặt tên cho sản phẩm của mình                                                                                                                                                     |                     |

(Lưu ý: Giáo dục STEM/STEAM phù hợp điều kiện thực tế của lớp- trường)

HIỆU TRƯỞNG



Lương Thị Xoan